

QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC DÂN TỘC THIỂU SỐ CÓ TRÌNH ĐỘ CAO CHO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Trần Trung^a

Phạm Thị Kim Cương^b

Học viện Dân tộc

^a Email: trantrung@cema.gov.vn

^b Email: cuongptk@hvd.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/5/2020

Ngày phản biện: 27/5/2020

Ngày tác giả sửa: 30/5/2020

Ngày duyệt đăng: 09/6/2020

Ngày phát hành: 21/6/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/410>

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức hiện nay, nguồn nhân lực trình độ cao là một yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. Vì vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số là vấn đề hết sức cấp thiết trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Bài viết trình bày khái quát các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số, nhất là nhân lực dân tộc thiểu số có trình độ cao cho vùng dân tộc thiểu số. Cần làm gì và làm thế nào để tạo ra nguồn nhân lực dân tộc thiểu số có trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số là vấn đề cần được giải đáp thấu đáo để góp phần hoàn thiện các chính sách liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Đào tạo, bồi dưỡng; Dân tộc thiểu số; Nguồn nhân lực dân tộc thiểu số; Vùng dân tộc thiểu số.

1. Đặt vấn đề

Nguồn nhân lực dân tộc thiểu số (DTTS) là toàn bộ lao động người DTTS đang có khả năng tham gia vào các quá trình phát triển kinh tế - xã hội và các thể hệ những lao động người DTTS tiếp tục tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Số lượng nguồn nhân lực DTTS là quy mô, cơ cấu, phân bố dân cư của DTTS; chất lượng nguồn nhân lực DTTS gồm thể lực (chiều cao, cân nặng, khả năng lao động, tình trạng sức khỏe về thể chất và sức khỏe tâm thần), trí lực (trí tuệ, trình độ giáo dục, ngoại ngữ, trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề), tâm lực (phẩm chất, lý tưởng, đạo đức, thái độ, tác phong, kỹ năng sống, lối sống) của người DTTS.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao cho vùng DTTS chính là làm gia tăng chất lượng nguồn nhân lực, chủ yếu là nâng cao năng lực và động cơ của người lao động để họ đóng góp hiệu quả nhất vào việc phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS. Chất lượng nguồn nhân lực DTTS được nâng cao, thu hút và khuyến khích được nhiều trí thức và nhân tài người DTTS gắn bó lâu dài với vùng DTTS là khâu đột phá quan trọng để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng DTTS. Do đó, việc nghiên cứu quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

nguồn nhân lực DTTS trình độ cao là cần thiết, từ đó đánh giá hiệu quả tác động của chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS với phát triển toàn diện vùng DTTS, đồng thời, đề xuất định hướng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao cho vùng DTTS, trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Đến nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS, trong đó tiêu biểu là một số công trình nghiên cứu như: Nguyễn Thị Mỹ Trang, Lại Thị Thu Hà, “Chính sách cử tuyển – một chủ trương đúng trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta về phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng miền núi, vùng DTTS”, Tạp chí Dân tộc học số 2-2005; Nguyễn Đăng Thành (2012), “Phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Trần Văn Trung (2015), “Phát triển nguồn nhân lực trẻ vùng Tây Bắc Việt Nam”, Luận án Tiến sĩ Quản lý Hành chính công; Trần Trung, Nguyễn Thu Trang (đồng chủ biên), Sách “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực DTTS khu vực Tây Bắc – nghiên cứu từ nhu cầu và loại hình đào tạo”, Nxb. Đại học Quốc

gia Hà Nội, 2017,... Ngoài ra, còn các nghiên cứu có liên quan như: Lô Quốc Toàn (2010), “Phát triển nguồn cán bộ DTTS ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Hoàng Hữu Bình (2010), “Giải pháp phát triển nguồn nhân lực các DTTS ở nước ta thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, Tạp chí Dân tộc học, số 117; Ủy ban Dân tộc (2010), “Chính sách dân tộc trong những năm đổi mới thành tựu cùng những vấn đề đặt ra” (Kỷ yếu hội thảo), Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội; Nguyễn Hữu Ngà “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, Tạp chí Dân tộc học số 3/2005; Hoàng Hữu Bình, Phan Văn Hùng (Đồng chủ biên, 2013), “Một số vấn đề về đổi mới xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc”, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội; Vương Xuân Tình (2015), “Tổng quan chính sách dân tộc ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay”, Tạp chí Dân tộc học, số 1&2/2015; Nguyễn Lâm Thành (2014), “Chính sách phát triển vùng DTTS phía Bắc Việt Nam”, Nxb. Khoa học Xã hội, 2014; Cao Anh Đô (2017-2018), “Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ là người DTTS nhằm phát triển bền vững vùng Tây Bắc”, KHCN-TB.20X/13-18; Nguyễn Văn Dũng (2017-2019), “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2030”, đề tài khoa học cấp nhà nước; Trần Trung (2016), “Nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Khóa IX về Công tác dân tộc”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Ủy ban Dân tộc; Phó Đức Hoà (2017-2019), “Nghiên cứu xác định nhu cầu, nội dung, phương hướng đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ trí thức các DTTS”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; Phí Hùng Cường (2018-2019), “Thu hút, sử dụng, tuyên dụng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS tham gia trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; Nguyễn Thị Bích Thu (2017-2019), “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2025 định hướng đến năm 2030”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh Lâm Đồng; ...

Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần quan trọng vào việc làm sáng tỏ quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Trong số đó, có nhiều công trình đã đề cập đến khái niệm, bản chất, đặc thù, cách thức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS, đồng thời chỉ ra thực trạng chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực DTTS, xác định một số bài học kinh nghiệm trong chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực nguồn nhân lực

DTTS, đề ra nhiều chính sách, cơ chế, giải pháp nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS. Những kết quả nghiên cứu trên đã chỉ ra: một là, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS luôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực của Đảng và Nhà nước ta; hai là, kết quả tích cực của việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS đã góp phần quan trọng tạo ra nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao; ba là, muốn phát triển bền vững vùng DTTS, tất yếu phải có nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng DTTS theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, cần có chiến lược, phương hướng, các giải pháp, kế hoạch, bước đi vững chắc, trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm, nguyên tắc của Đảng và kinh nghiệm thực tiễn trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã phân tích thực trạng nguồn nhân lực các DTTS nói chung và chính sách phát triển nguồn nhân lực các DTTS ở một số địa bàn của Việt Nam. Đồng thời, các công trình nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS. Các công trình nghiên cứu khẳng định công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS là ưu tiên hàng đầu, có tính quyết định đối với phát triển bền vững vùng DTTS. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập đến quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao cho vùng DTTS.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp trên cơ sở các tài liệu sẵn có, bao gồm các chủ trương, quan điểm được thể hiện trong các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, đề án, báo cáo... về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao cho vùng DTTS. Các số liệu, báo cáo thống kê của Tổng Cục thống kê, Ủy ban Dân tộc liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS được thu thập giúp cho việc phân tích, đánh giá tổng hợp về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS một cách chính xác và khách quan.

4. Kết quả nghiên cứu

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên, đầu tư phát triển nguồn nhân lực DTTS. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, khóa IX (Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 12 tháng 03 năm 2003 về Công tác dân tộc) chỉ rõ: “... thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS...” (Ban

Tư tưởng – Văn hóa Trung ương, 2003, tr.77). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) xác định: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.119-120). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định “Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc”. Nghị quyết số 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa XII) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ngày 12/3/2003 nhấn mạnh: Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, tranh thủ những cơ hội và thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đây là một chủ trương đúng đắn, thể hiện sự nhạy bén, sáng tạo và tư duy đột phá của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về Công tác dân tộc trong tình hình mới tiếp tục khẳng định: “Chú trọng, phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người DTTS” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019) và “Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào DTTS và miền núi. Giữ vững và phát huy thành quả xoá mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn. Đổi mới phương thức tuyển sinh theo hướng cử tuyển, chế độ dự bị đại học, đào tạo nghề cho đối tượng người DTTS. Có chính sách giải quyết việc làm đối với thanh niên DTTS sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào DTTS và miền núi”.

Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, Kết luận số 65-KL/TW chỉ rõ: “Tập trung phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ DTTS; có giải pháp cụ thể, hiệu quả để bảo đảm tỉ lệ cán bộ DTTS trong cấp uỷ và các cơ quan dân cử các cấp. Có chính sách đặc thù tuyển dụng công chức, viên chức đối với DTTS rất ít người, nhóm DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó

khăn. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người DTTS. Có cơ chế để phụ nữ DTTS tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu. Quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ DTTS; hỗ trợ nâng cao năng lực để tham gia vị trí quản lý lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị”.

Cụ thể hoá chủ trương của Đảng, Nhà nước đã ban hành các văn bản có liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS, trong đó có Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 nhằm phát triển toàn diện nhân lực DTTS cả về thể lực, tâm lực lẫn trí lực và tác phong nghề nghiệp. Đồng thời, Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao cho vùng DTTS như:

- Chính sách xây dựng và phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú: Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú được xác định ở vị trí mũi nhọn trong sự nghiệp giáo dục ở miền núi, vùng dân tộc, là một loại trường tạo nguồn cán bộ dân tộc, một trung tâm văn hoá, khoa học, kỹ thuật ở địa phương. Học sinh của trường là thanh niên các DTTS, bản thân và gia đình thường trú ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa xôi hẻo lánh... được Nhà nước đảm bảo các điều kiện cần thiết để ăn học, được nhà trường tổ chức nuôi dạy và sống nội trú ở trường trong quá trình học tập. Trường giảng dạy theo chương trình sách giáo khoa của các trường phổ thông, có điều chỉnh và bổ sung thêm những kiến thức về địa phương và về các DTTS trong cả nước. Ngoài ra, trường thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông hướng vào những ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương vùng DTTS.

- Chính sách cử tuyển học sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu về cán bộ là người DTTS tại địa phương: Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị và Quyết định số 72/HĐBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai chính sách tuyển sinh, mở các lớp riêng hệ cử tuyển tại một số trường đại học, cao đẳng, trung cấp nhằm đáp ứng yêu cầu bức thiết về cán bộ là người DTTS ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Đây là một trong những chính sách ưu tiên của Đảng và Nhà nước ta trong việc đào tạo nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao cho vùng DTTS.

- Chính sách ưu tiên điểm đối với học sinh dân tộc thiểu số tham gia tuyển sinh đại học, cao đẳng: Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, học

vấn của học sinh DTTS, vùng sâu, vùng xa vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước, nếu không có chính sách ưu tiên, các em sẽ khó có điều kiện vào đại học, cao đẳng. Chính sách ưu tiên điểm là một trong những ưu đãi về cơ hội học tập cho học sinh ở các vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, tạo điều kiện để các học sinh này được học cao đẳng, đại học.

- Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh và các trường học: theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ có quy định về chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

- Chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên nghèo DTTS: Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên nhằm mục tiêu hỗ trợ cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề. Chính sách này đã giúp hàng trăm nghìn học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là con em hộ DTTS được vay vốn học tập.

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Bên cạnh việc thực hiện các chính sách đào tạo, bồi dưỡng chung đối với cán bộ công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, các địa phương ở vùng DTTS cũng có chính sách hỗ trợ riêng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực DTTS, bồi dưỡng nhân tài, nhưng chỉ hướng tới đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong hệ thống chính trị. Do đó, người DTTS không công tác trong các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị xã hội vẫn chưa có chính sách hỗ trợ để tiếp cận giáo dục bậc cao. Như vậy, hiện nay, các chính sách hỗ trợ giáo dục ở Trung ương cũng như địa phương được ban hành nhiều, nhưng vẫn chưa có chính sách nào hỗ trợ cho đối tượng là người DTTS đi học thạc sĩ, tiến sĩ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nhóm nhân lực mũi nhọn tham gia vào nền kinh tế, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của vùng DTTS cũng như của cả nước.

Đến nay cả nước có 314 trường Phổ thông Dân tộc nội trú; 1.097 trường phổ thông dân tộc bán trú; 04 trường dự bị đại học. Đã có 51/53 DTTS có học sinh cử tuyển đi học đại học; học sinh là người DTTS ở vùng đặc biệt khó khăn được hỗ trợ chi phí ăn ở, học tập. Trong giai đoạn 2016 - 2018, Chính phủ đã kịp thời tuyên dương trên 400 học sinh, sinh viên DTTS xuất sắc, tiêu biểu trong học tập; 23 gương thanh niên DTTS khởi nghiệp thành

công, tạo sức lan tỏa, động viên học sinh, sinh viên nỗ lực, phấn đấu vươn lên (Chính phủ, 2019). Song cho đến nay, nguồn nhân lực DTTS đã qua đào tạo vẫn còn yếu về chuyên môn và bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề. Một số dân tộc có tỷ lệ người tốt nghiệp đại học rất thấp. Lên các bậc học sau đại học, việc tiếp cận đối với các dân tộc càng khó khăn và có sự chênh lệch lớn giữa các dân tộc. Trong khi dân tộc Thái, Tày, Nùng, Mường,.. có số người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ khá cao thì ở nhiều dân tộc đến nay chưa có người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Hiện nay, có 17 dân tộc chưa có người được đào tạo trình độ thạc sĩ, 38 dân tộc chưa có người hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ (xem bảng 1).

Bảng 1: Trình độ đào tạo (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) của người DTTS, thời điểm 1/10/2019

Đơn vị tính: người

STT	Dân tộc	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1	Tày	14.426	564	50
2	Thái	7.201	151	8
3	Mường	6.012	198	16
4	Mông	3.509	32	0
5	Khmer	6.735	108	7
6	Nùng	6.374	167	14
7	Dao	2.098	53	4
8	Hoa	15.191	261	23
9	Gia-rai	1.257	5	2
10	Ê-đê	1.500	15	0
11	Bana	480	11	0
12	Xơ-Đăng	593	9	0
13	Sán Chay	701	13	3
14	Cơ-ho	760	5	1
15	Sán Diu	1.447	28	2
15	Chăm	1.635	9	0
17	Hrê	508	8	0
18	Ra-glay	276	0	0
19	Mnông	341	0	0
20	Xtiêng	117	2	0
21	Bru-Vân Kiệu	262	0	0
22	Thô	439	5	1
23	Khơ-mú	147	2	0
24	Cơ-tu	673	14	0
25	Giáy	321	5	1
26	Gié Triêng	404	6	0
27	Tà-ôi	224	11	0
28	Mạ	173	1	0
29	Co	164	8	0
30	Chơ-ro	62	1	0
31	Xinh-mun	16	0	0
32	Hà Nhi	282	5	0
33	Chu ru	70	0	0
34	Lào	108	1	0
35	Kháng	43	0	0
36	La Chí	56	1	0
37	Phù Lá	27	1	0
38	La Hủ	26	0	0

39	La Ha	26	1	0
40	Pà Thên	21	0	0
41	Chút	17	1	0
42	Lự	24	0	0
43	Lô Lô	18	2	1
44	Măng	10	0	0
45	Cơ Lao	32	0	0
46	Bố Y	30	0	0
47	Cống	19	0	0
48	Ngái	32	3	1
49	Si La	30	2	0
50	Pu Páo	15	0	0
51	Rơ măm	12	0	0
52	Brâu	5	0	0
53	Ơ Đu	1	0	0

Nguồn: Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 DTTS, năm 2019 (số liệu sơ bộ)

Bảng 2: Trình độ giáo dục và đào tạo của người dân tộc thiểu số, thời điểm 01/10/2019

Toàn bộ các tỉnh vùng DTTS	Người
Chưa bao giờ đi học	1.424.073
Đang đi học	3.162.742
Mầm non	381.708
Tiểu học	1.434.533
THCS	880.237
THPT	350.208
Sơ cấp	2.250
Trung cấp	14.122
Cao đẳng	22.892
Đại học	74.950
Thạc sĩ	1.709
Tiến sĩ	133

Nguồn: Điều tra thực trạng kinh tế xã hội 53 DTTS, năm 2019 (số liệu sơ bộ)

Ở bậc đại học, mặc dù có chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm tạo điều kiện cho học sinh DTTS được tiếp cận bậc học này và chính sách cử tuyển nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ là người DTTS, song

cho đến nay, dân tộc Brâu, Rơ Măm, Măng, La Hủ, Lự, Ngái, Ơ Đu, Si La vẫn rất ít người đi học đại học, khó cử tuyển do thiếu nguồn. Ở các dân tộc này để có người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng từ các bậc học thấp và phải có chính sách riêng phù hợp (Bảng 2)

Xét trên mặt bằng chung, các địa phương thuộc vùng DTTS có chất lượng nguồn nhân lực và trình độ học vấn tương đối thấp. Ở các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đông bằng sông Cửu Long, nhân lực DTTS được đào tạo ở trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học có số lượng cao hơn nhiều so với số người DTTS được đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (Bảng 3)

Chất lượng nguồn nhân lực DTTS được thể hiện rõ ở trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở. Trong tổng số 48.200 cán bộ DTTS cấp xã, số người có trình độ học vấn trung học cơ sở chiếm 45%, tiểu học là 18,7%; cao đẳng và đại học 1,9% (Hoa, 2017). Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS trong cơ quan nhà nước các cấp có xu hướng giảm; hầu hết bộ, ngành và địa phương (nhất là cấp tỉnh) chưa đạt được tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS theo quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội về Phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chính phủ xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2020) để thực hiện từ năm 2021. Đây là chương trình mang tính tổng thể, toàn diện, lâu dài trong phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn tới. Trong đó, có dự án về “Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”, với mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc

Bảng 3. Trình độ giáo dục và đào tạo (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) của người dân tộc thiểu số theo vùng kinh tế - xã hội, thời điểm 1/10/2019

Trình độ	Toàn bộ các tỉnh vùng DTTS	Trung du và miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đơn vị tính: người
							Đồng bằng sông Cửu Long
Sơ cấp	2250	746	737	233	184	200	150
Trung cấp	14122	7501	370	2491	1842	1152	766
Cao đẳng	22892	10092	1728	2829	3241	3108	1894
Đại học	74950	25303	11226	7890	5032	17247	8252
Thạc sĩ	1709	853	290	126	51	247	142
Tiến sĩ	134	51	38	7	7	23	8

Nguồn: Điều tra thực trạng kinh tế xã hội 53 DTTS, năm 2019, (số liệu sơ bộ)

thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%; 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS; Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

5. Thảo luận

Trong giai đoạn hiện nay, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao (có trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) phải được coi là nhiệm vụ trọng tâm, phục vụ mục tiêu, định hướng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của các địa phương, vùng DTTS cũng như của cả nước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao cho vùng đồng bào DTTS trong thời gian tới cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với công tác đổi mới, phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở vùng DTTS và miền núi. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân trong triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS và miền núi.

- Mở rộng các trường phổ thông dân tộc bán trú ở các huyện nghèo; củng cố, mở rộng các khoa dự bị đại học, nâng cao chất lượng hệ dự bị đại học cho học sinh DTTS để đảm bảo chất lượng đào tạo đại học người DTTS, tạo nguồn cho các cấp học, bậc học cao hơn; phát triển đội ngũ giáo viên người DTTS; tăng cường đầu tư các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường, điểm trường có nhiều học sinh phổ thông dân tộc bán trú, học sinh các dân tộc rất ít người theo học.

- Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, nghề trọng điểm theo các cấp độ, các trường, các khoa giáo dục nghề nghiệp nội trú cho học viên DTTS. Tăng cường giáo dục lối sống, kiến thức pháp luật và kỹ năng giao tiếp, khả năng thích ứng sống hòa đồng với môi trường đa văn hóa cho học sinh, sinh viên DTTS.

- Đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ người DTTS học thạc sĩ, tiến sĩ bằng ngân sách nhà nước; chính sách đào tạo cán bộ cấp xã cho vùng DTTS; chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ DTTS Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích, phát hiện, đào tạo bồi dưỡng nhân tài là con em các DTTS để vào học các trường năng khiếu chuyên biệt và chuyển sang học tại các trường dân tộc nội trú, trung học phổ thông chuẩn bị tạo nguồn cho đào tạo trí thức, nhân tài DTTS.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách đào tạo nghề cho thanh niên DTTS theo hướng vừa đào tạo nghề, vừa đào tạo kỹ năng, định hướng giáo dục nghề

nghiệp để các em có điều kiện tìm kiếm việc làm hoặc đủ kiến thức để tổ chức sản xuất và đời sống gia đình.

- Tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực DTTS là cán bộ, công chức hành chính Nhà nước; chú trọng nhân lực khoa học - công nghệ trình độ cao, cán bộ quản lý, kinh doanh giỏi, bác sĩ, kỹ sư và nhà nghiên cứu giỏi góp phần nâng cao sức cạnh tranh, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và của cả nước. Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện chính sách đặc thù trong tuyển dụng công chức, viên chức người DTTS công tác tại vùng đồng bào DTTS và miền núi;

- Ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các DTTS rất ít người theo quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc (DTTS rất ít người là các dân tộc có số dân dưới 10.000 người), các dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp quy định tại Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án, chính sách về phát triển giáo dục nghề nghiệp; trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn; phát triển, đa dạng các hình thức dạy nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư vùng đồng bào DTTS và miền núi, đặc biệt khó khăn; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng phù hợp với từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn; tăng cường dạy nghề lưu động, dạy nghề tại chỗ (trên đồng ruộng, trang trại...); dạy nghề theo hình thức kèm cặp, cầm tay chỉ việc, truyền nghề tại các làng nghề; dạy nghề trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS tham gia học nghề, tạo và tự tạo việc làm.

6. Kết luận

Để có nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao, cần có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, trong đó có quá trình nhận thức, nỗ lực vươn lên của chính người DTTS. Trong giai đoạn 2021-2025, Quốc hội xem xét, hàng năm cân đối ngân sách để đủ nguồn lực thực hiện việc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực DTTS và tăng cường giám sát tình hình thực hiện các chính sách giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng. Chính phủ ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai các đề án, chính sách giáo dục và kinh phí cho các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS có hoàn cảnh khó khăn; các chính sách đặc thù để xây dựng nguồn nhân lực DTTS có trình độ cao cho vùng DTTS góp phần quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng DTTS Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019). *Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*. Hà Nội.
- Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương. (2003). *Tài liệu nghiên cứu các nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Chính phủ. *Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030*. , (2016).
- Chính phủ. *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*. , (2019).
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Hoa, N. Q. (2017). Chính sách dân tộc tại Việt Nam: Thành tựu và thách thức cần vượt qua. Truy cập từ tapchicongsan.org.vn, website: <http://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/45526/ chinh-sach-dan-toc-tai-viet-nam--thanh-tuu-va-thach-thuc-can-vuot-qua.aspx>
- Quốc hội. *Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*. , (2019).
- Thành, N. Đ. (2011). *Phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Thành, N. L. (2014). *Chính sách phát triển vùng DTTS phía Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Tổng cục Thống kê, & Ủy ban Dân tộc. (2019). *Điều tra thực trạng kinh tế xã hội 53 DTTS, năm 2019, số liệu sơ bộ*.

OPINIONS, POLICIES OF THE PARTY AND THE STATE OF VIETNAM IN TRAINING, RETRAINING FOR ETHNIC MINORITY HIGHLY QUALIFIED HUMAN RESOURCES FOR ETHNIC MINORITY AREAS

Tran Trung^a
Pham Thi Kim Cuong^b

Vietnam Academy for Ethnic Minorities

^a Email: trantrung@cema.gov.vn

^b Email: cuongptk@hvd.edu.vn

Received: 20/5/2020
Reviewed: 27/5/2020
Revised: 30/5/2020
Accepted: 09/6/2020
Released: 21/6/2020

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/410>

Abstract

In the period of international integration and development of knowledge economy, highly qualified human resources is a decisive factor for the country's rapid and sustainable development. So, determining the training and retraining of highly qualified human resources, contributing to the comprehensive development of ethnic minority areas is a very urgent issue in the global integration context today. The article presents an overview of the opinions, policies of the Party and the State of Vietnam in the training and retraining of ethnic minority human resources, especially ethnic minority human resources with high qualifications for the ethnic minority area. What needs to do and how to create highly qualified ethnic minority human resources to meet the requirements of socio-economic development in the ethnic minority area is a matter that needs to be answered thoroughly to contribute to complete the policies related to training and retraining of ethnic minority human resources in the present period.

Keywords

Training and retraining; Ethnic minority; Ethnic minority human resources; Ethnic minority area.